

Cập nhật ngành Ngân hàng:
Lộ trình chuyển tiếp Basel III trong tầm kiểm soát,
tuy nhiên rủi ro chính nằm ở CDR



Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) vừa lấy ý kiến dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 22/2019/TT-NHNN, văn bản quy định các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng. Định hướng chung là tích cực, khi Việt Nam tiến tới áp dụng các chuẩn mực tiệm cận Basel III, bao gồm Tỷ lệ khả năng chi trả (LCR), Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) và Tỷ lệ đòn bẩy (LEV). Những thay đổi này được kỳ vọng sẽ nâng cao sự ổn định của hệ thống ngân hàng trong dài hạn.

Việc tuân thủ các chuẩn mực thanh khoản theo Basel III khó có khả năng gây ra cú sốc trên toàn hệ thống. Nhiều ngân hàng tư nhân — bao gồm TPB, ACB, VIB, MBB, TCB, SeABank, Nam A Bank, STB và LPB — đã trong quá trình xây dựng công cụ đo lường LCR/NSFR và khung quản trị rủi ro thanh khoản theo Basel III trong vài năm gần đây. Tuy vậy, việc tuân thủ vẫn sẽ làm gia tăng chi phí, do các ngân hàng phải tăng nắm giữ tài sản thanh khoản chất lượng cao (HQLA) có lợi suất thấp, kéo dài kỳ hạn nguồn vốn, và đầu tư thêm cho quản trị tài sản – nguồn vốn (ALM) cũng như hạ tầng dữ liệu.

Mối lo ngại chính của chúng tôi không nằm ở lộ trình tuân thủ Basel III về rủi ro thanh khoản, mà ở giới hạn tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng so với huy động vốn (CDR) được đề xuất trong giai đoạn chuyển tiếp. Trong bối cảnh tỷ lệ cho vay trên tiền gửi thuần (LDR) — tín dụng so với nguồn vốn Thị trường 1 — đã vượt 100% tại một số ngân hàng, việc duy trì trần CDR/LDR cùng với LCR và NSFR có thể tạo ra các ràng buộc chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn nhau. Một tỷ lệ được tính đơn thuần dựa vào các số dư đơn giản trên bảng cân đối có thể làm giảm hiệu quả của các thước đo thanh khoản được tính toán dựa trên rủi ro. Kinh nghiệm thực tiễn trong khu vực ủng hộ cách tiếp cận linh hoạt hơn: Trung Quốc đã bãi bỏ trần LDR khi từng bước áp dụng các quy tắc thanh khoản theo Basel. Do đó, chúng tôi kỳ vọng CDR sẽ được điều chỉnh trong các dự thảo tiếp theo, với lộ trình chuyển tiếp rõ ràng hơn hoặc linh hoạt giám sát, nhằm tránh làm gia tăng thêm áp lực trong bối cảnh thanh khoản hiện nay.

Một số điểm chính:

- Cải cách dài hạn mang tính tích cực:** Việc đưa vào LCR, NSFR và LEV là bước tiến hướng tới chuẩn Basel III trong khu vực và sẽ thúc đẩy kỷ luật thanh khoản cho toàn hệ thống.
- Rủi ro ngắn hạn xoay quanh CDR.** Dự thảo giữ trần CDR 85% cho đến khi các ngân hàng đạt mức tuân thủ 100% LCR và NSFR. Điều này cho thấy ràng buộc CDR sẽ tồn tại đến năm 2028, nếu không có cơ chế chuyển đổi rõ ràng. Việc áp dụng ngay có thể buộc các ngân hàng có CDR cao điều chỉnh nguồn vốn đáng kể, vì vậy đây là nội dung cần được cân nhắc và tham vấn kỹ lưỡng.
- Cơ chế và tác động của CDR:** Chỉ số này về cơ bản khá tương đồng với cách tính LDR thuần (dư nợ tín dụng so với nguồn vốn Thị trường 1), với một số điều chỉnh quan trọng: về mẫu số, chỉ 20% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước được ghi nhận, trong khi trái phiếu do ngân hàng khác nắm giữ không được tính; ở tử số, dư nợ tín dụng được trừ vốn chủ sở hữu. Điều chỉnh về tiền gửi Kho bạc chỉ mang lại tác động nhỏ ở cấp độ toàn hệ thống (khoảng 0,6% dư nợ tín dụng), nhưng có thể hỗ trợ ở mức độ cao hơn đối với nhóm ngân hàng thương mại nhà nước (NHTMNN), nơi tiền gửi Kho bạc tập trung nhiều hơn (tương đương khoảng 1,4–2% dư nợ tín dụng). Ngược lại, việc loại trừ nguồn vốn liên ngân hàng có thể làm tăng áp lực đối với những ngân hàng phụ thuộc lớn vào thị trường liên ngân hàng trong quản lý thanh khoản.
- Nhóm hưởng lợi tương đối:** Nhóm NHTMNN có thể hưởng lợi từ việc đưa tiền gửi Kho bạc Nhà nước vào cách tính CDR. Trong khi đó, theo chuẩn Basel III, những ngân hàng có cơ cấu tiền gửi bán lẻ ổn định với độ kết dính cao (sticky), nguồn vốn kỳ hạn dài (trên 1 năm), cùng bộ đệm tài sản thanh khoản chất lượng cao (HQLA) vững sẽ có vị thế thuận lợi hơn.

Chỉ tiêu	Nội dung chính
CDR / LDR	CDR ≤ 85%. Về cơ bản khá tương đồng LDR thuần: dư nợ tín dụng so với nguồn vốn Thị trường 1; chỉ 20% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước được tính và có sự điều chỉnh về vốn chủ sở hữu ở tử số. Đây là rủi ro ràng buộc chính nếu không có lộ trình áp dụng.
Miễn áp dụng CDR	Các ngân hàng áp dụng đầy đủ LCR/NSFR và đạt 100% sẽ không bắt buộc tuân thủ CDR, nhưng vẫn phải báo cáo; NHNN có thể vẫn yêu cầu tuân thủ CDR vì mục đích giám sát.
LCR	70% năm 2028 → 80% năm 2029 → 90% năm 2030 → 100% từ 2031. Khung quản trị thanh khoản theo chuẩn Basel III.
NSFR	90% năm 2028 → 95% năm 2029 → 100% từ 2030. Ưu tiên tiền gửi bán lẻ và nguồn vốn có kỳ hạn ≥ 1 năm; gây bất lợi cho nguồn vốn doanh nghiệp/bán buôn ngắn hạn.
LEV	Vốn cấp 1 / Tổng trạng thái rủi ro ≥ 3%; thời điểm áp dụng tùy theo NHNN. Là hàng rào an toàn theo Basel, ít khả năng trở thành ràng buộc trước mắt.

05/05/2026

Nguyễn Thu Hà, CFA
Giám đốc phân tích
hant4@ssi.com.vn

Trương Minh Phương Duy
Chuyên viên cao cấp
duytmp@ssi.com.vn

Nội dung chính của dự thảo

Dự thảo xây dựng các cơ chế vận hành theo chuẩn Basel, bao gồm Tỷ lệ khả năng chi trả (LCR), Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) và tỷ lệ đòn bẩy (LEV) — lần lượt dựa trên HQLA so với dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo, nguồn vốn ổn định sẵn có (ASF) so với nguồn vốn ổn định cần có (RSF), và Vốn cấp 1 so với Tổng trạng thái rủi ro. Về bản chất, NSFR đo lường mức độ phù hợp cấu trúc giữa tính ổn định của nguồn vốn và tính lỏng (thanh khoản) của tài sản, thay vì chỉ dựa vào kỳ hạn trên hợp đồng, trong khi LCR phản ánh khả năng duy trì thanh khoản ngắn hạn của ngân hàng bằng cách so sánh các tài sản có tính thanh khoản thực sự với dòng tiền ra trong kịch bản căng thẳng. Nhìn chung, dự thảo đang chuyển trọng tâm quản lý thanh khoản từ các chỉ tiêu bằng cân đối sang đánh giá nhạy cảm hơn với rủi ro, tập trung vào chất lượng nguồn vốn, tính thanh khoản của tài sản và khả năng ổn định hệ thống. Xét tổng thể, cách tiếp cận của dự thảo nhìn chung phù hợp với Basel, và không nổi lòng đáng kể so với thông lệ quốc tế. Thậm chí, NHNN vẫn giữ quyền áp dụng các giả định thanh khoản thận trọng hơn, đặc biệt trong các trường hợp chất lượng tài sản hoặc thanh khoản thị trường được đánh giá là chưa đủ vững.

Tuy nhiên, trần CDR 85% là yếu tố bổ sung mang tính đặc thù trong nước. Trước khi LCR và NSFR chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2028, các ngân hàng chưa lựa chọn áp dụng sớm sẽ tiếp tục tuân thủ các quy định thanh khoản hiện hành theo Thông tư 22 (bao gồm tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày và tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung – dài hạn), đồng thời phải tuân thủ thêm yêu cầu CDR mới kể từ khi thông tư sửa đổi có hiệu lực, trừ khi phiên bản cuối cùng của dự thảo đưa ra lộ trình chuyển tiếp CDR cụ thể.

Bảng: Thông tư 22 so với Dự thảo – những thay đổi chính về quy định

Chỉ tiêu	Thông tư 22	Dự thảo Thông tư	So sánh với Basel III	Nhận xét
LDR / CDR	Trần LDR 85%; cách tính bao gồm cả vốn liên ngân hàng ở mẫu số	CDR ≤85% . Dư nợ tín dụng trên nguồn vốn Thị trường 1 đủ điều kiện. Điều chỉnh ở tử số: chỉ 20% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước được tính; trái phiếu do ngân hàng nắm giữ không được tính. Điều chỉnh ở mẫu số: Dư nợ tín dụng được loại trừ phần tài trợ bằng vốn chủ sở hữu.	Không phải yêu cầu của Basel III	Có thể là quy định mang tính ràng buộc nhất nếu áp dụng ngay, do ước tính cho thấy CDR của một số ngân hàng vượt 85%. Tác động với khối NHTMNN có thể được bù trừ một phần nhỏ bởi tỷ trọng tiền gửi Kho bạc cao.
Miễn áp dụng CDR	Không áp dụng	Các ngân hàng áp dụng LCR/NSFR và đáp ứng đầy đủ LCR ≥100% và NSFR ≥100% thì không bắt buộc tuân thủ CDR, nhưng vẫn phải báo cáo; NHNN vẫn có thể yêu cầu tuân thủ CDR để giám sát.	Không phải yêu cầu của Basel III	Giảm gánh nặng CDR trong dài hạn, nhưng không giải quyết được vấn đề chuyển tiếp nếu ngân hàng vẫn phải áp dụng CDR trước năm 2028.
Ngưỡng thanh khoản / LCR	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày theo TT22	LCR áp dụng theo lộ trình: 70% (2028), 80% (2029), 90% (2030), 100% từ 2031	Basel III yêu cầu LCR ≥100% sau giai đoạn chuyển tiếp	Nhìn chung phù hợp Basel, với lộ trình đạt 100% vào năm 2031.
HQLA	Khung tài sản thanh khoản đơn giản	Phân loại HQLA cấp 1/2A/2B và tiêu chí đủ điều kiện; tập trung vào tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, trái phiếu Chính phủ và tài sản thanh khoản được NHNN chấp nhận	Basel III phân loại HQLA cấp 1 / 2A / 2B, kèm điều kiện, haircut và trần	Về cơ bản theo chuẩn Basel; mức độ ràng buộc thực tế phụ thuộc vào quy mô HQLA và độ sâu thị trường tại Việt Nam.
Già định dòng tiền LCR	Kiểm tra thanh khoản 30 ngày, mức độ chi tiết thấp	Áp dụng cơ chế LCR theo Basel: dòng tiền vào bị khống chế ở mức 75% dòng tiền ra; tiền gửi hoạt động đủ điều kiện có hệ số rút tiền 25%; tiền gửi bán buôn không mang tính hoạt động của doanh nghiệp/Chính phủ/ Tổ chức khu vực công 40%; các khoản tiền gửi bán buôn không bảo đảm khác 100%. Ưu tiên tiền gửi bán lẻ/SME và tiền gửi hoạt động thực chất.	Basel III có hệ số rút tiền thấp hơn cho tiền gửi bán lẻ, ưu đãi cho tiền gửi hoạt động đủ điều kiện; dòng tiền vào bị giới hạn 75%	Khá sát cơ chế Basel; việc phân loại tiền gửi hoạt động của doanh nghiệp cần được quản lý chặt chẽ.
LCR theo đồng tiền trọng yếu	Tỷ lệ thanh khoản ngoại tệ theo TT22	Yêu cầu quản lý LCR đối với ngoại tệ trọng yếu; lộ trình áp dụng rõ ràng hơn cho VND và tổng các đồng tiền	Basel III yêu cầu theo dõi theo từng đồng tiền trọng yếu; cơ quan giám sát có thể đặt yêu cầu	Các ngân hàng có tỷ trọng ngoại tệ lớn vẫn cần được giám sát chặt chẽ, mặc dù dự thảo cho thấy mức độ yêu cầu đối với LCR ngoại tệ ít hơn so với LCR VND.
Kỳ hạn nguồn vốn / ngưỡng NSFR	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ≤30%	NSFR theo lộ trình: 90% (2028), 95% (2029), 100% từ 2030	Basel III yêu cầu NSFR ≥100% sau chuyển tiếp	Kiểm tra cấu trúc nguồn vốn chi tiết hơn; nhìn chung phù hợp Basel.
Hệ số ASF	Không có khái niệm ASF; quy định theo kỳ hạn đơn giản hơn	Tiền gửi bán lẻ ổn định/kém ổn định có hệ số 95%/90%; tiền gửi DN ngắn hạn hệ số 50%; tiền gửi DN ≥1 năm và nợ dài hạn hệ số 100%	Sát với hiệu chỉnh của Basel	Nguồn vốn bán lẻ và nguồn vốn kỳ hạn dài trở thành lợi thế chính; nguồn vốn doanh nghiệp ít giá trị hơn nếu không có kỳ hạn dài.
Hệ số RSF	Không có khái niệm RSF	Tiền mặt/tiền gửi NHNN 0%; HQLA cấp 1 5%; cấp 2A 15%; cấp 2B 50%; cho vay/thể chấp thường 65–85% hoặc cao hơn; cam kết chưa giải ngân khoảng 5%	Phần lớn phù hợp Basel	Tăng trưởng tín dụng dài hạn hoặc rủi ro cao đòi hỏi nhiều nguồn vốn ổn định hơn.
Tỷ lệ đòn bẩy	Không có	LEV ≥3% = vốn cấp 1 / Tổng trạng thái rủi ro; thời điểm áp dụng bắt buộc tùy NHNN	Basel III yêu cầu tối thiểu 3%	Phù hợp Basel, nhưng chưa là ràng buộc trước mắt so với CDR.

Quan điểm của chúng tôi

Kinh nghiệm trong khu vực cho thấy việc quản trị rủi ro thanh khoản theo Basel III có thể triển khai hiệu quả nếu được thực hiện theo lộ trình. Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Ấn Độ đều áp dụng LCR/NSFR theo từng giai đoạn trong nhiều năm, giúp các ngân hàng có thời gian xây dựng bộ đệm HQLA, kéo dài kỳ hạn nguồn vốn, chuyển dịch sang tiền gửi bán lẻ/tiền gửi có kỳ hạn ổn định hơn và tối ưu hóa RWA. Trung Quốc là tiền lệ gần nhất đối với Việt Nam: trong quá trình xây dựng các chỉ tiêu thanh khoản theo Basel giai đoạn 2014–2017, trần LDR 75% đã được bãi bỏ vào năm 2015. Tại Việt Nam, nhiều ngân hàng tư nhân — bao gồm TPB, ACB, VIB, MBB, VPB, TCB, SeABank, Nam A Bank, STB và LPB — đã và đang trong quá trình xây dựng công cụ đo lường LCR/NSFR và khung quản trị rủi ro thanh khoản theo Basel III trong những năm gần đây, cho thấy đã có sự chuẩn bị nhất định. Dù vậy, chi phí tuân thủ dự kiến vẫn sẽ tăng, khi các ngân hàng có thể phải nắm giữ nhiều HQLA lợi suất thấp hơn, kéo dài kỳ hạn nguồn vốn và đầu tư thêm cho ALM/hạ tầng dữ liệu.

Tuy nhiên, thách thức của Việt Nam không nằm ở Basel III, mà ở trần CDR 85% được đề xuất trong giai đoạn chuyển tiếp. Khung LCR/NSFR/LEV nhìn chung phù hợp với Basel và hợp lý, với lộ trình áp dụng theo giai đoạn cho phép các ngân hàng điều chỉnh bảng cân đối mà không gây cú sốc thanh khoản tức thời. Tuy nhiên, các ngân hàng áp dụng LCR/NSFR theo lộ trình vẫn không tự động được miễn áp dụng CDR; việc miễn trừ chỉ có hiệu lực khi cả LCR và NSFR đạt 100%, và NHNN vẫn có thể yêu cầu tuân thủ CDR vì mục đích giám sát. Điều này tạo ra rủi ro ràng buộc kép: các chỉ tiêu thanh khoản nhạy cảm với rủi ro theo Basel cùng với trần CDR cố định được tính dựa trên tỷ lệ bảng cân đối. Nói cách khác, CDR có rủi ro trở thành lớp rào cản bao phủ các thước đo thanh khoản vốn đã tính toán dựa trên các mức độ rủi ro khác nhau.

Mặc dù CDR có phạm vi rộng hơn so với LDR thuần do được trừ vốn chủ sở hữu ở tử số và 20% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước được tính vào mẫu số, lợi ích ở cấp độ toàn ngành là hạn chế. Ước tính sơ bộ của chúng tôi cho thấy dư địa tăng từ tiền gửi Kho bạc chỉ khoảng 0,6% dư nợ tín dụng ở cấp hệ thống. Tuy nhiên, tác động sẽ rõ nét hơn đối với nhóm NHTMNN, nơi tiền gửi Kho bạc tập trung nhiều và có thể tương đương ~7–10% dư nợ, qua đó làm mẫu số tăng thêm khoảng 1,4–2,0% sau khi áp dụng tỷ lệ 20%. Ngược lại, việc loại trừ nguồn vốn liên ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi/trái phiếu do ngân hàng nắm giữ có thể tạo áp lực cho các ngân hàng phụ thuộc vào thị trường liên ngân hàng để quản lý thanh khoản.

Theo đó, nếu không có giai đoạn chuyển tiếp, CDR có thể trở thành ràng buộc bảng cân đối mang tính quyết định đối với các ngân hàng tăng trưởng cao, đặc biệt là những ngân hàng có CDR vượt 85%. Chúng tôi kỳ vọng ý kiến phản hồi của ngành sẽ tập trung vào lộ trình chuyển tiếp rõ ràng hơn hoặc cơ chế giám sát linh hoạt, và cho rằng các nội dung này sẽ được phản ánh trong bản thông tư cuối cùng. Việc áp dụng ngay lập tức sẽ buộc các ngân hàng có CDR cao cạnh tranh quyết liệt để huy động vốn Thị trường 1, làm chậm tăng trưởng tín dụng hoặc phát hành thêm chứng chỉ tiền gửi /trái phiếu dài hạn, qua đó gia tăng chi phí vốn và gây áp lực lên NIM. Đồng thời, điều này sẽ siết chặt thêm bối cảnh thanh khoản vốn đã căng thẳng và ngân hàng ngày càng phụ thuộc vào CDs, hỗ trợ từ NHNN và vốn vay nước ngoài để bù đắp khoảng trống vốn Thị trường 1.

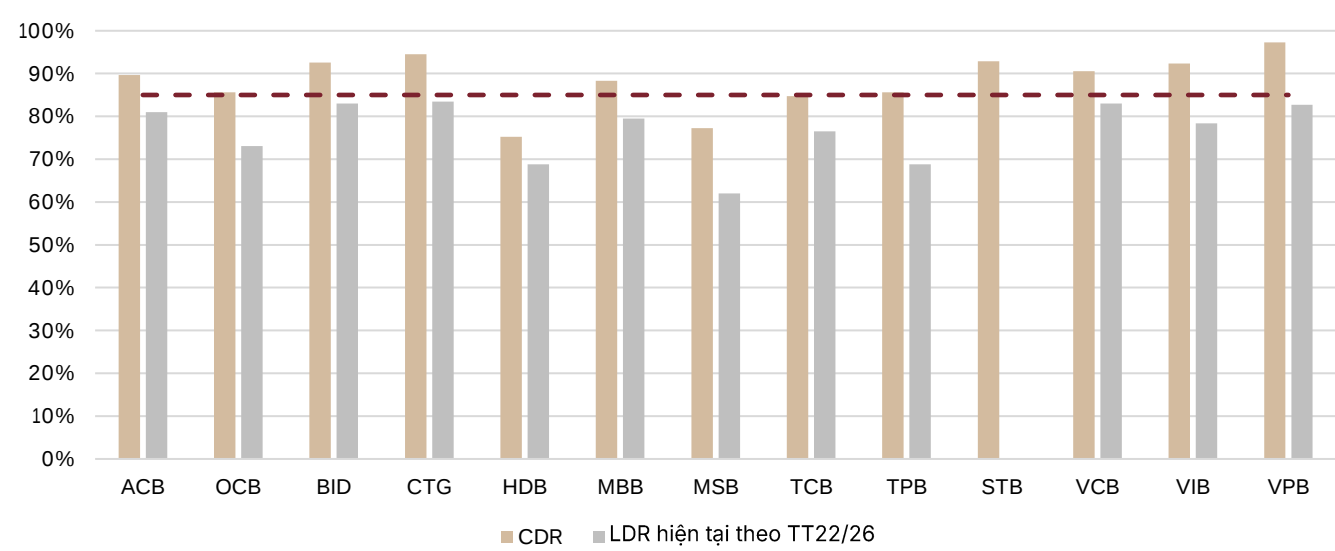
Vị thế của các ngân hàng

Nhóm NHTMNN có thể hưởng lợi từ việc tính tiền gửi Kho bạc Nhà nước vào CDR và ngân hàng có vốn dày có thể giảm áp lực khi tính dư nợ tín dụng ở tử số. Đối với Basel III, dù các ngân hàng lớn có thể đã đáp ứng NSFR > 100%, việc đạt LCR 100% theo quan điểm của chúng tôi là thách thức hơn, do yêu cầu HQLA và giả định dòng tiền rút ra cao hơn đối với tiền gửi doanh nghiệp, liên ngân hàng và tiền gửi Kho bạc ngắn hạn. Điều này có thể gây bất lợi cho các ngân hàng phụ thuộc nhiều vào các nguồn vốn này.

Về lý thuyết, các ngân hàng có LDR thuần > 100% nhưng tuân thủ LCR/NSFR > 100% sẽ hưởng lợi từ việc áp dụng Basel III sớm. Tuy nhiên, trên thực tế, việc phê duyệt của NHNN vẫn chưa chắc chắn và số ngân hàng đủ điều kiện có thể khá hạn chế (ví dụ: TCB, VPB, TPB).

Trong giai đoạn hiện tại, trọng tâm vẫn nằm ở lộ trình chuyển tiếp đối với CDR, do đó cần tiếp tục theo dõi diễn biến chính sách.

Biểu đồ: Ước tính CDR tại các ngân hàng trong phạm vi theo dõi



Nguồn: SSI Research ước tính

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo dề đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư		
Phạm Lưu Hưng Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư hungpl@ssi.com.vn SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711		
Chiến lược thị trường Đào Minh Châu, CFA Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư chaudm@ssi.com.vn SĐT: (+84 – 28) 3636 3688	Phân tích Ngành Ngân hàng Nguyễn Thu Hà, CFA Giám đốc phân tích cổ phiếu hant4@ssi.com.vn SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 Trương Minh Phương Duy Chuyên viên phân tích cao cấp duytmp@ssi.com.vn SĐT: (+84 – 28) 3636 3688	Dữ liệu Nguyễn Thị Anh Thư Chuyên viên hỗ trợ thunta2@ssi.com.vn SĐT: (+84 – 24) 3936 6321